

# Unit 2

## Lesson 4 Weather 天气

### Text 1



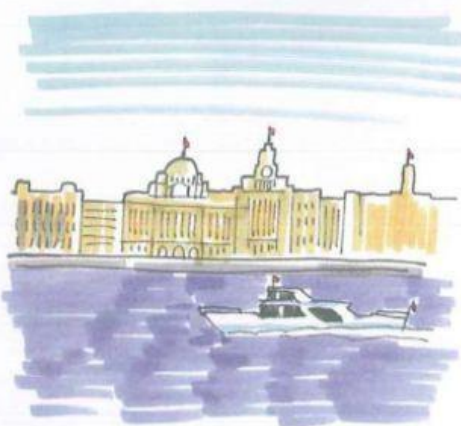
běi  
北

jīng  
京

jīn tiān shì qíng tiān qì wēn zài  
今天是晴天，气温在

èr shí dù zuǒ yòu míng tiān yǒu  
二十度左右。明天有

xiǎo yǔ  
小雨。



shàng  
上

hǎi  
海

jīn tiān duō yún qì wēn èr shí  
今天多云，气温二十

bā dào sān shí èr dù míng tiān  
八到三十二度。明天

yǒu tái fēng  
有台风。

### NEW WORDS

qíng  
1. 晴 fine; clear

qíng tiān  
晴天 sunny day

wēn  
2. 温 warm; temperature

qì wēn  
气温 air temperature

dù  
3. 度 degree

zuǒ  
4. 左 left

yòu  
5. 右 right

zuǒ yòu  
左右 around

yǔ  
6. 雨 rain

xiǎo yǔ  
小雨 light rain

yún  
7. 云(雲) cloud

duō yún  
多云 cloudy

dào  
8. 到 up to

tái  
9. 台(颱) platform

fēng  
10. 风(風) wind

tái fēng  
台风 typhoon